

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

<https://trungtamthuoc.com>

1. Tên thuốc: Carbocistein tab DWP 250mg

2. Các dấu hiệu cần lưu ý và khuyến cáo khi dùng thuốc

"Để xa tầm tay trẻ em"

"Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng"

3. Thành phần công thức thuốc: Mỗi viên nén bao phim chứa:

Thành phần được chiết: Carbocistein 250mg.

Thành phần tá dược: Cellulose vi tinh thể, Povidon K30, Crospovidon, Natri croscarmellose, Magnesi stearat, Opadry white (Hyprymellose, Talc, Macrogol, Titan dioxyd).

4. Dạng bào chế: Viên nén bao phim.

Mô tả: Viên nén tròn, bao phim màu trắng, cạnh và thành viên lạnh lặn.

5. Chỉ định

Giảm đờm trong viêm đường hô hấp trên (viêm hầu, viêm thanh quản), viêm phế quản cấp, hen phế quản, viêm phế quản mạn tính, giãn phế quản, lao phổi.

Dẫn lưu mủ trong viêm xoang mạn tính.

6. Cách dùng, liều dùng

Cách dùng: Thuốc dùng đường uống.

Liều dùng:

Người lớn: 2 viên/lần x 3 lần/ngày. Có thể điều chỉnh liều theo tuổi và triệu chứng bệnh.

Người cao tuổi: Người cao tuổi thường bị suy giảm chức năng sinh lý, thận trọng khi sử dụng, giảm liều nếu cần.

7. Chống chỉ định

Quá mẫn với carbocistein hoặc với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

8. Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc

Bệnh nhân rối loạn chức năng gan: Carbocistein có thể làm nặng thêm tình trạng suy giảm chức năng gan, thận trọng khi sử dụng carbocistein cho nhóm bệnh nhân này.

Bệnh nhân mắc các rối loạn về tim: Đã có báo cáo của các thuốc tương tự về tác dụng không mong muốn ở bệnh nhân suy tim. Thận trọng khi sử dụng carbocistein cho nhóm bệnh nhân này.

9. Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú

*** Thời kỳ mang thai**

Hồ sơ an toàn của thuốc trên phụ nữ có thai chưa được thiết lập. Không dùng thuốc cho phụ nữ có thai hoặc phụ nữ có thể có thai.

*** Thời kỳ cho con bú:**

Hồ sơ an toàn của thuốc trên phụ nữ cho con bú chưa được thiết lập. Ngừng cho con bú khi dùng thuốc hoặc sử dụng thuốc thay thế thích hợp.

10. Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe và vận hành máy móc

Chưa có bằng chứng về ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe và vận hành máy móc.

11. Tương tác, tương kỵ của thuốc

*** Tương tác của thuốc:**

Chưa có báo cáo về tương tác thuốc.

*** Tương kỵ của thuốc:** Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

12. Tác dụng không mong muốn của thuốc

- Tác dụng không mong muốn nặng (tần suất không rõ):

Hội chứng Stevens-Johnson, hội chứng Lyell: Nếu xuất hiện các triệu chứng của Hội chứng Stevens-Johnson, hội chứng Lyell, ngừng thuốc và điều trị thích hợp.

Rối loạn chức năng gan, vàng da: Rối loạn chức năng gan và vàng da có tăng AST (GOT), ALT (GPT), Al-P, LDH có thể xảy ra. Ngừng thuốc và điều trị thích hợp.

Sốc, triệu chứng giống phản vệ: Sốc, triệu chứng giống phản vệ (khó thở, phù mạch, ngứa...) có thể xảy ra. Theo dõi chặt chẽ bệnh nhân, nếu có bất thường xảy ra, ngừng thuốc và điều trị thích hợp.

- Các tác dụng không mong muốn khác (tần suất không rõ):

Tiêu hóa: Chán ăn, tiêu chảy, đau bụng, nôn, buồn nôn, khô miệng...

Mẩn cảm: Phát ban, eczema, ban đỏ, phù mạch, sốt, khó thở... (ngừng thuốc khi xuất hiện các dấu hiệu mẩn cảm này).

Khác: Ngứa.

13. Quá liều và cách xử trí

Triệu chứng quá liều:

Không có dữ liệu về sử dụng thuốc quá liều, không dùng quá liều chỉ định của thuốc.

Xử trí quá liều:

Tích cực theo dõi để có biện pháp xử trí kịp thời.

14. Quy cách đóng gói

Hộp 6 vỉ x 10 viên. Kèm theo tờ hướng dẫn sử dụng bên trong hộp.

15. Điều kiện bảo quản, hạn dùng, tiêu chuẩn chất lượng thuốc

- **Điều kiện bảo quản:** Nơi khô, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng.

- **Hạn dùng:** 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

- **Tiêu chuẩn chất lượng thuốc:** TCCS.

16. Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất:

Tên cơ sở sản xuất: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM WELPHAR

Địa chỉ: Lô CNS, Khu công nghiệp Thụy Vân, Xã Thụy Vân, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ.